

Số: 95 /QĐ-UBND

Sơn Tây, ngày 03 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TÂY

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các Doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 25/12/2014 của Hội đồng nhân dân huyện khóa IV, kỳ họp thứ 12 về dự toán thu - chi NSNN năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2345a/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND huyện Sơn Tây về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2015,

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 45/TTr-TCKH ngày 30/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách năm 2015 (*chi tiết theo các phụ biểu đính kèm*).

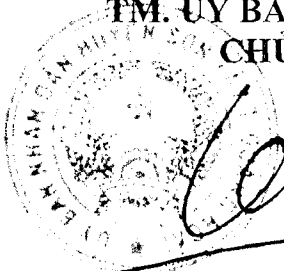
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Sơn Tây và Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện uỷ; TT HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện uỷ, các ban Đảng;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn;
- Viện kiểm sát, Toà án;
- Mặt trận và các hội đoàn thể;
- CPVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)

Lê Văn Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SON TÂY

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND huyện Sơn Tây)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
I	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	48.390.000.000
1	Thu nội địa	48.390.000.000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu (số cân đối)	
3	Thu viên trợ không hoàn lại	
II	Thu ngân sách huyện	166.305.000.000
01	Thu NS huyện hưởng theo phân cấp	35.150.000.000
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	17.765.000.000
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	17.385.000.000
02	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	131.155.000.000
	- Bổ sung cân đối	104.603.000.000
	+ Bổ sung cân đối thời kỳ ổn định	81.268.000.000
	+ Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp khác	18.509.000.000
	+ Bổ sung chi sự nghiệp giáo dục	4.826.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	26.552.000.000
03	Thu chuyên nguồn ngân sách năm trước chuyển sang thực hiện cải cách tiền lương	
III	Chi ngân sách huyện	166.305.000.000
01	Chi đầu tư phát triển	20.321.000.000
02	Chi thường xuyên	112.306.386.000
03	Dự phòng chi NS huyện	2.965.000.000
04	Chi bổ sung cho NS cấp xã	30.712.614.000
05	Chi chuyên nguồn ngân sách sang thực hiện CCTL	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TÂY

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CỦA CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND huyện Sơn Tây)

DVT: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Dự toán
A	<u>NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN :</u>	
I	Nguồn thu ngân sách huyện	171.131.000.000
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	35.150.000.000
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	17.765.000.000
	- Các khoản thu NS phân chia phần ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	17.385.000.000
02	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	131.155.000.000
	- Bổ sung cân đối	104.603.000.000
	+ Bổ sung cân đối thời kỳ ổn định	81.268.000.000
	+ Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp khác	18.509.000.000
	+ Bổ sung chi sự nghiệp giáo dục	4.826.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	26.552.000.000
03	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang thực hiện cải cách tiền lương	4.826.000.000
II	Chi ngân sách cấp huyện	166.305.000.000
01	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (Không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	135.592.386.000
02	Bổ sung cho ngân sách xã	30.712.614.000
	- Bổ sung cân đối	30.712.614.000
	- Bổ sung có mục tiêu	
03	Chi chuyển nguồn năm trước sang thực hiện CCTL	
B	<u>NGÂN SÁCH CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN</u>	
I	Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn	30.712.614.000
01	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	
	- Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%	
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách cấp xã hưởng theo tỷ lệ (%)	
02	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	
	- Bổ sung cân đối	
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Chi ngân sách xã	30.712.614.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TÂY

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN SƠN TÂY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND huyện Sơn Tây)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	<u>TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</u>	214.695.000.000
A	<u>Tổng các khoản thu cân đối NSNN</u>	48.390.000.000
I	Thu nội địa	48.390.000.000
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	45.100.000.000
	- Thuế giá trị gia tăng	28.480.000.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.000.000
	- Thuế tài nguyên	16.500.000.000
	- Thuế môn bài	83.000.000
	- Thu khác	17.000.000
2	Lệ phí trước bạ	370.000.000
3	Thuế thu nhập cá nhân	330.000.000
4	Thu phí, lệ phí	180.000.000
5	Thu khác ngân sách	900.000.000
6	Thu các Xí nghiệp Quốc Doanh	1.510.000.000
II	<u>Thu viên trợ không hoàn lại</u>	
B	<u>Tổng thu ngân sách huyện</u>	166.305.000.000
I	Các khoản thu cân đối ngân sách huyện	166.305.000.000
01	Các khoản thu hưởng 100%	17.765.000.000
02	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	17.385.000.000
03	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	131.155.000.000
04	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương	
II	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TÂY

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN SƠN TÂY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND huyện Sơn Tây)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
A	TỔNG SỐ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	166.305.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	20.321.000.000
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.398.000.000
2	Chi khoa học, công nghệ	
II	Chi thường xuyên	112.306.386.000
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	70.758.000.000
2	Chi khoa học, công nghệ	
III	Dự phòng chi NS huyện	2.965.000.000
IV	Chi bổ sung cho NS cấp xã	30.712.614.000
V	Chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang thực hiện cải cách tiền lương	
B	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TÂY

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN SƠN TÂY NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND huyện Sơn Tây)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	Tổng chi ngân sách cấp huyện	166.305.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	20.321.000.000
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	20.321.000.000
II	Chi thường xuyên	112.306.386.000
1	Chi Quản lý Nhà nước	20.406.351.206
2	Chi SN Kinh tế	8.244.040.500
3	Chi SN Môi trường	504.990.000
4	Chi SN Truyền thanh-PLTH	982.438.000
5	Chi SN văn hoá TT-TT	1.039.059.000
6	Chi SN Y tế	376.492.000
7	Chi SN Giáo dục	70.758.000.000
8	Chi SN Đào tạo	782.119.000
9	Chi SN Văn xã	2.255.000.000
10	Chi an ninh	360.000.000
11	Chi quốc phòng	550.000.000
12	Kinh phí bố trí nhiệm vụ phát sinh	959.896.294
13	Chi đào tạo thường xuyên	220.000.000
14	Chính sách hỗ trợ CBCC đi đào tạo trong và ngoài nước theo QĐ 481	150.000.000
15	Chính sách CBCC điều động luân chuyển theo QĐ 457	93.000.000
16	Chính sách CBCC cấp xã nghỉ việc, thôi việc theo QĐ 459	100.000.000
17	Kinh phí thực hiện QĐ số 43/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 và hỗ trợ một số nhiệm vụ do NS huyện chưa đảm bảo	2.000.000.000
18	Nguồn tăng biên chế, tăng lương định kỳ	700.000.000
19	Nguồn chênh lệch tiền lương	1.050.000.000
20	Nguồn kinh phí đại hội Đảng	300.000.000
21	Chi khác NS	475.000.000
III	Dự phòng chi ngân sách huyện	2.965.000.000
IV	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	30.712.614.000
V	Chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang năm sau thực hiện cải cách tiền lương	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SON TÂY**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC HUYỆN SON TÂY NĂM 2015**
(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND huyện Sơn Tây)

DVT: đồng

STT	Các cơ quan đơn vị	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên (theo từng lĩnh vực)		SN	Chương trình 135	Chỉ mục tiêu, một số nhiệm vụ, mục tiêu khác
		Trong đó: đầu tư XD CB			Trong đó			Tổng số	Gồm chi TX			
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	GD đào tạo và dạy nghề	Khoa học, công nghệ						
01	Mặt trận	1.081.805.000	203.000.000				878.805.000	878.805.000				
02	Huyện đoàn	518.471.000					518.471.000	518.471.000				
03	Phụ nữ	751.733.000					751.733.000	751.733.000				
04	Hội nông dân	878.396.206					878.396.206	878.396.206				
05	Hội cựu chiến binh	386.936.000					386.936.000	386.936.000				
06	Hội nạn nhân chất độc Da cam	48.112.000					48.112.000	48.112.000				
07	Hội Chữ Thập đỏ	507.279.000					507.279.000	507.279.000				
08	Hội cựu TNXP	77.380.000					77.380.000	77.380.000				
09	Hội từ yêu nước	77.380.000					77.380.000	77.380.000				
10	Hội khuyến học	62.418.000					62.418.000	62.418.000				
11	Hội người cao tuổi	77.380.000					77.380.000	77.380.000				
12	Huyện ủy	6.264.598.000	0				6.264.598.000	6.264.598.000				
13	Phòng TN&MT	1.138.178.000	0				1.138.178.000	1.138.178.000			504.000.000	
14	Phòng Tài chính - KH	967.673.000	0				967.673.000	967.673.000				
15	Phòng VH-TT	2.314.570.000	953.312.000				1.361.258.000	1.361.258.000			1.079.059.000	

16	Thành tựu	452.277.000	0	0	452.277.000	452.277.000	452.277.000				
17	Phòng NN&PTNT	4.787.476.000	3.747.580.000	3.747.580.000	3.747.580.000	1.039.896.000	1.039.896.000				
18	Phòng Nội vụ	1.025.062.000				1.025.062.000	1.025.062.000				
19	Phòng Y tế	243.772.000				243.772.000	243.772.000			69.213.000	
20	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	10.863.680.000	9.205.623.000	9.205.623.000	9.205.623.000	1.658.057.000	1.658.057.000				
21	Phòng GD và DT	73.317.522.000	2.398.000.000	2.398.000.000	2.398.000.000	70.919.522.000	70.919.522.000			70.758.000.000	
22	Trung tâm BDCI	782.119.000	0	0		782.119.000	782.119.000				
24	Phòng LĐ-TB&XH	2.568.014.000	0	0		2.568.014.000	2.568.014.000				
25	Hội đồng nhân dân	627.577.000	0	0		627.577.000	627.577.000				
26	Ủy ban nhân dân	1.886.404.000	0	0		1.886.404.000	1.886.404.000				
27	VP HĐND&UBND	1.851.287.000	29.990.000	29.990.000	29.990.000	1.821.297.000	1.821.297.000				
28	Phòng Tư Pháp	459.532.000	0	0		459.532.000	459.532.000				
29	Phòng Dân tộc	648.485.000	0	0		648.485.000	648.485.000				
30	BQL rừng phòng hộ	908.744.000	0	0		908.744.000	908.744.000			908.744.000	
31	VP đăng ký quyền sử dụng đất	89.810.500	0	0		89.810.500	89.810.500			89.810.500	
32	Trung tâm PT quỹ đất	2.755.767.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	1.955.767.000	1.955.767.000			1.955.767.000	
33	Trạm Khuyến nông	3.135.719.000				3.135.719.000	3.135.719.000			3.135.719.000	
34	Trạm Thú y	70.000.000				70.000.000	70.000.000				
35	Hạt Kiểm lâm	70.000.000				70.000.000	70.000.000				
36	Đài truyền thanh PLTH	982.438.000	0	0		982.438.000	982.438.000			982.438.000	
37	Trung tâm y tế	30.000.000	0	0		30.000.000	30.000.000				
38	Liên đoàn lao động huyện	25.000.000	0	0		25.000.000	25.000.000				
39	Ngân hàng chính sách XH	200.000.000	0	0		200.000.000	200.000.000				
40	Công an	360.000.000	0	0		360.000.000	360.000.000				
41	Huyện đội	759.000.000	209.000.000	209.000.000	209.000.000	550.000.000	550.000.000				
42	KP chức thọ người cao tuổi	28.000.000				28.000.000	28.000.000				
44	Chi khác NS	100.000.000				100.000.000	100.000.000				
48	Chính sách CBCC điều động luân chuyển theo QĐ 457	93.000.000				93.000.000	93.000.000				
49	Chính sách CBCC cấp xã nghỉ việc, thời việc theo QĐ 459	100.000.000				100.000.000	100.000.000				

76	Kính phí dự phòng tuyên dụng biên chế và một số chế độ còn thiếu	611.000.000																	
	Tổng cộng	166.305.000.000	20.321.000.000	20.321.000.000	0	2.398.000.000	0	145.984.000.000	0	145.984.000.000	611.000.000	145.984.000.000	611.000.000	145.984.000.000	79.482.750.500				0

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TÂY

TỈ LỆ PHẦN TRĂM (%) CHIA CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN
SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN
DÂN CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND huyện Sơn Tây)

SST	Đơn vị	Chi tiết theo các khoản thu (theo phân cấp của Tỉnh)						
		Thuế Môn bài	Thuế T.nguyên	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Phí,Lệ phí	Thuế trước bạ	
							Nhà đất	Khác
01	Xã Sơn Dung	100	50	20	20	100	70	
02	Xã Sơn Mùa	100	50	20	20	100	70	
03	Xã Sơn Tân	100	50	20	20	100	70	
04	Xã Sơn Tinh	100	50	20	20	100	70	
05	Xã Sơn Bua	100	50	20	20	100	70	
06	Xã Sơn Lập	100	50	20	20	100	70	
07	Xã Sơn Liên	100	50	20	20	100	70	
08	Xã Sơn Long	100	50	20	20	100	70	
09	Xã Sơn Màu	100	50	20	20	100	70	